

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HSST

Ngày 28/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Lập và ông Phạm Văn Đăng;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 44/2016/HSST ngày 23/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Giàng Seo V** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1989 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12;

Tiền án, tiền sự: Không;

Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên (Quyết định số 23 – QĐ/UBKTHU ngày 15/5/2017 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy B, đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Giàng Seo V, trong thời gian 90 ngày làm việc, kể từ ngày 15/5/2017);

Bố đẻ: Giàng Tả P – sinh năm 1956; Mẹ đẻ: Cư Thị G - Sinh năm 1954. Cùng trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Gia đình có 8 anh em, bị cáo là con thứ sáu;

Vợ: Thào Thị L - sinh năm 1996; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014. Đều trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Bị bắt ngày 08/5/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lừu Thị G**; - Giới tính: Nữ; - Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1979 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại huyện M, tỉnh Lào Cai;

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai; Chỗ ở: Thôn N 2, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bố đẻ: Lừu T - sinh năm 1936 (đã chết); Mẹ đẻ: Lừu Thị D - sinh năm 1940, trú tại thôn N 2, xã B, huyện Mường, tỉnh Lào Cai;

Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ tư;

Chồng: Sùng C - sinh năm 1974; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2002. Điều trú tại thôn B, xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai;

Bị bắt ngày 18/5/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*** Những người bị hại:**

1. Vàng Thị M - Sinh ngày 15/9/1979; trú tại: Tổ 13, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Sùng Thị D - Sinh 1978; trú tại: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Thào Thị L - sinh năm 1996; trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G :** Bà Trần Thị C - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*** Người phiên dịch tiếng Mông:** Ông Giàng Seo C - Trú tại xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 8/2016, Giàng Seo V sang Trung Quốc làm thuê có gặp và quen người đàn ông Trung Quốc tên P, P bảo V về Việt Nam tìm phụ nữ đưa

sang Trung Quốc bán cho P để P bán lại cho người đàn ông Trung Quốc mua làm vợ, một người phụ nữ P sẽ trả từ 7.000CNY đến 15.000CNY tùy thuộc vào người phụ nữ đó xinh hay xấu, già hay trẻ, V đồng ý, hai bên cho nhau số điện thoại để liên lạc. Đến tháng 9/2016, V gặp và quen Vàng Thị M, sinh ngày 15/9/1979, trú tại tổ 13, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên, hai bên cho nhau số điện thoại để liên lạc. Sau đó, V thường xuyên gọi điện thoại và đến chỗ M làm thuê (Công ty chuối H ở xã, thành phố L) chơi để tán tỉnh, yêu đương M. Đến cuối tháng 3/2017, M về nhà không làm thuê nữa, V nảy sinh ý định lừa M sang Trung Quốc làm thuê rồi bán cho P, nên V đã rủ M sang Trung Quốc làm thuê lương cao hơn, công việc không vất vả, M đồng ý. Ngày 07/4/2017 V gọi điện thoại và hẹn gặp bạn là Lừu Thị G tại khu vực N, B, V hỏi G có quen biết người Trung Quốc mua người phụ nữ Việt Nam không, G nói cho V biết có quen người phụ nữ Trung Quốc tên T (vì trước G làm thuê ở Trung Quốc, T có bảo G tìm phụ nữ Việt Nam sang bán cho T, nên T cho G số điện thoại liên lạc), V bảo với G có quen một người con gái tên M có thể lừa đưa sang Trung Quốc bán được và rủ G cùng tham gia, G đồng ý. V cũng nói cho G biết V quen một người mua bên Trung Quốc tên P, nhưng P bảo phải đưa người sang bán cho P và P sẽ đưa đi bán tiếp cho người Trung Quốc khác rồi P mới trả tiền cho V, nên V và G thống nhất đưa người sang bán cho T trước, nếu T không mua thì gọi P. Sau đó, G gọi điện thoại cho T hỏi có mua người không, T đồng ý mua và hẹn khi nào đưa được người sang thì gọi điện cho T đón tại khu vực biên giới đối diện thôn N, B, G đồng ý. Sau đó, V gọi điện cho M bảo sang Lào Cai, V đón, M nói cho V biết có bạn là Sùng Thị D, sinh năm 1978, trú tại bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên cùng đi làm thuê, M bảo V không có tiền đi nên V đã gửi xe ô tô khách cho M 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng chẵn*). Chiều ngày 08/4/2017 M đi xe ô tô khách sang Lào Cai, đến khoảng 3h sáng ngày 09/4/2017 đến bên xe Phô Mới, Lào Cai, V đưa M vào nhà nghỉ gần bên xe nghỉ đợi D. Sáng hôm sau, V đi vào khu vực N, B gặp G, V nói cho G biết là M đang đợi đón bạn ở thành phố L và V, G thống nhất lừa M, D cùng sang Trung Quốc làm thuê và để tránh bị phát hiện thì tự M, D đi xe taxi vào N, B, V, G đón ở khu vực biên giới Trung Quốc đối diện thôn N. Khoảng 9h ngày 11/4/2017 V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 24B1-333.76 mang tên Giàng Seo V từ N ra nhà nghỉ gặp M. Khoảng 13h cùng ngày V đưa M ra công viên H đón D, V bảo M đợi D, khi nào D đến thì thuê xe taxi đi vào khu vực thôn N, B gọi điện thoại cho V, M đồng ý. V đi vào khu vực thôn N rồi cùng G đi sang khu vực biên giới Trung Quốc đối diện thôn N, B đợi M, D. Sang đến Trung Quốc G gọi điện thoại cho T ra đón, T đồng ý. Đến khoảng 17h cùng ngày M, D thuê xe taxi vào đến khu vực N, V gọi điện cho M chỉ đường cùng D lội suối sang Trung Quốc đối diện thôn N gặp V, G. Gặp nhau G nói với M, D là G cũng đi làm thuê cùng và đang đợi người Trung Quốc đến đón. Khoảng 18h cùng ngày T đi ô tô ra khu vực biên giới, sau khi xem mặt M,

D, T nói với G là hai người này già nên T không mua, xong T đi về. Sau đó, V gọi điện thoại cho P và bảo P ra khu vực biên giới đối diện thôn N đón người, P đồng ý. Khoảng 19h30 P cùng một người phụ nữ ra đi ô tô ra đón, đưa V, G, D, M đi sâu vào nội địa Trung Quốc, đến nhà một người đàn ông Trung Quốc, P nói với V là mua M, D với giá 20.000CNY, khi nào bán được M, D cho người khác mua thì P sẽ trả tiền sau, V đồng ý rồi cùng G đi về Việt Nam. Ngày hôm sau, D bỏ trốn, M được P đưa đi bán cho người Trung Quốc mua làm vợ. Sáng ngày 13/4/2017 P gọi điện cho V nói cho V biết là D bỏ trốn nên Phở chỉ trả tiền mua M là 10.000CNY và hẹn V ra khu vực biên giới đối diện N, B để trả tiền, V gọi điện bảo G sang gặp P lấy tiền và ra ngã ba Bản phiet đưa tiền cho V. G đưa tiền cho V, V chia cho G 3.000CNY, V được 7.000CNY và cả hai đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Bị hại Vàng Thị M sau khi bị bán cho người Trung Quốc mua làm vợ, đến cuối tháng 4/2017 M được giải cứu về Việt Nam. Ngày 04/5/2017 M làm đơn tố cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai. Bị hại Sùng Thị D sau khi bỏ trốn được, đến nay không xác định được đi đâu, làm gì.

Cáo trạng số 41/KSĐT ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G về tội "*Mua bán người*" theo Điểm đ, e Khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G về tội "*Mua bán người*", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm đ, e Khoản 2 Điều 119; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20, 53 - Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Seo V từ 07 đến 09 năm tù. Áp dụng Điểm đ, e Khoản 2 Điều 119; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 - Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lừu Thị G từ 06 đến 08 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo phải bồi thường một khoản tiền về danh dự nhân phẩm cho người bị hại Vàng Thị M theo quy định pháp luật. Tịch thu điện thoại các bị cáo dùng vào việc phạm tội và truy thu số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo để sung quỹ nhà nước. Trả cho chị Thảo Thị L chiếc xe máy thu giữ của bị cáo Giàng Seo V.

Người bào chữa cho các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G có ý kiến như sau: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G về tội "*Mua bán người*". Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật hạn chế, sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại. Đề nghị áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1,2 Điều 46; Điều 20,53 –

Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Giàng Seo V trước khi phạm tội là Bí thư đoàn có nhiều thành tích được tặng Giấy khen nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Seo V từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Xử phạt bị cáo Lừu Thị G mức án thấp nhất của khung hình phạt là 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G khai nhận: Ngày 11/4/2017 các bị cáo đã lừa, đưa Vàng Thị M và Sùng Thị D sang Trung Quốc bán cho người đàn ông Trung Quốc tên P. Do Sùng Thị D bỏ trốn nên P chỉ trả tiền mua Vàng Thị M là 10.000CNY, Giàng Seo V bảo Lừu Thị G sang gặp P lấy tiền, G nhận tiền về đưa cho V, V chia cho G 3.000CNY, Lừu Thị G đem đổi số tiền này ra tiền Việt Nam được 9.600.000 đồng, G đưa cho Giàng Seo V 2.400.000 đồng để bồi thường cho Vàng Thị M, số tiền còn lại G đã chi tiêu hết. Giàng Seo V được 7.000CNY, V đem đổi số tiền này ra tiền Việt Nam được hơn 20 triệu đồng, V bồi thường cho Vàng Thị M được 600.000 đồng, số tiền còn lại V đem trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại Vàng Thị M và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 11/4/2017 các bị cáo đã lừa đưa Vàng Thị M và Sùng Thị D sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau. Do đó hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán người” với các tình tiết định khung “Để đưa ra nước ngoài” và “Đối với nhiều người” quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến danh dự, nhân phẩm và quyền của con người được pháp luật bảo vệ, đã coi con người như hàng hóa để trao đổi mua bán, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xét xử các bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật, áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Giàng Seo V là người khởi xướng và thực hành tích cực nên giữ vai trò thứ nhất trong

vụ án, bị cáo Lừu Thị G phạm tội giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Cần xem xét, áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo theo quy định về đồng phạm tại Điều 20, 53 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đều là người dân tộc thiểu số, sau khi phạm tội quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tại phiên tòa hôm nay ban đầu các bị cáo còn quanh co khai chưa đúng với diễn biến của sự việc nhưng qua đấu tranh các bị cáo đã nhận thức được hành vi của của các bị cáo là vi phạm pháp luật và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải. Ngoài ra, bị cáo Lừu Thị G đã bồi thường cho người bị hại Vàng Thị M số tiền 2.400.000 đồng nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Giàng Seo V mới bồi thường cho người bị hại Vàng Thị M được 600.000 đồng, mức bồi thường như vậy là quá thấp nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Bị cáo Vàng seo V trước khi phạm tội, quá trình sinh sống tại địa phương là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, làm Bí thư chi đoàn có nhiều thành tích trong công tác đoàn được tặng giấy khen trong các năm 2015, 2016, tháng 3/2017 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G đều không có khả năng về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại Vàng Thị M yêu cầu các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G phải bồi thường tiền danh dự nhân phẩm là 10.000.000 đồng. Yêu cầu bồi thường của người bị hại là chính đáng, đúng quy định của pháp luật, cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Vàng Thị M mỗi người 5.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo Giàng Seo V đã đưa trước cho Vàng Thị M 600.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 4.400.000 đồng. Xác nhận bị cáo Lừu Thị G đã đưa trước cho Vàng Thị M 2.400.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 2.600.000 đồng.

Đối với người bị hại Sùng Thị D Cơ quan điều tra xác định sau khi bỏ trốn được, đến nay không xác định được đi đâu, làm gì, chưa có lời khai của người bị hại nên không có căn cứ giải quyết về phần trách nhiệm dân sự của Sùng Thị D trong vụ án này, nếu sau này chị D có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

***Về vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ gồm:**

1. Tạm giữ của Giàng Seo V: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 24B1 – 333.76, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Giàng Seo V, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1, màn hình cảm ứng màu vàng nhạt, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A 160 loại bàn phím, mặt sau màu đen, viền màu đỏ.

2. Tạm giữ của Lừu Thị G: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đen, viền màu đỏ, số IMEI 1: 810033600080637, số IMEI 2: 810034600080637, kèm theo 02 thẻ sim, số tiền 1.000 CNY (*Một nghìn nhân dân tệ*).

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 24B1 – 333.76 thu giữ của Giàng Seo V. Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, thường xuyên sử dụng để phục vụ công việc chung của gia đình, ngày 11/4/2017 bị cáo dùng xe này đưa Vàng Thị M ra công viên đón Sùng Thị D, sau đó M và D tự thuê taxi đi vào khu vực thôn N, B, huyện M. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa chị Thào Thị L là vợ đền nghị xin lại chiếc xe máy trên để gia đình có phương tiện đưa các con đến trường. Ngoài ra, gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận là hộ nghèo. Do vậy, nên tuyên trả lại của chiếc xe máy thu giữ của bị cáo Giàng Seo V cho chị Thào Thị L là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A 160 là tài sản của Giàng Seo V nhưng bị cáo đã dùng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Trả cho bị cáo Giàng Seo V 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Giàng Seo V.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell thu giữ của Lừu Thị G, bị cáo đã dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn số tiền 1.000 CNY là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng bị cáo còn phải thi hành các khoản tiền nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 1.000 CNY mà các bị cáo do Giàng Seo V và Lừu Thị G phạm tội mà có, các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu để sung quỹ nhà nước. Bị cáo Lừu Thị G được chia 3.000 CNY bị cáo đem đổi ra tiền Việt Nam được 9.600.000 đồng. Bị cáo Giàng Seo V được chia 7.000 CNY, bị cáo khai đã đổi ra tiền Việt Nam để chi tiêu nhưng không nhớ cụ thể. Theo biên bản làm việc ngày 14/6/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố L về việc xác định tỷ giá của tiền nhân dân tệ (CNY) với tiền Việt Nam đồng như sau: Tại thời điểm

ngày 11/4/2017: 01 CNY giá mua vào là 3.282 đồng, bán ra là 3.287 đồng. Như vậy, 7.000 CNY tương đương với 22.974.000 đồng. Cần truy thu 9.600.000 đồng của bị cáo Lừu Thị G và 22.974.000 đồng của bị cáo Giàng Seo V để sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Giàng Seo V và Lừu Thị G phạm tội “*Mua bán người*”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng Điểm đ, e Khoản 2 Điều 119; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 53 – Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Seo V 07 (*Bảy*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2017.

- Áp dụng Điểm đ, e Khoản 2 Điều 119; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 - Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lừu Thị G 06 (*Sáu*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Giàng seo V và Lừu Thị G phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Vàng Thị M số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Phần cụ thể mỗi bị cáo là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Xác nhận bị cáo Giàng Seo V đã đưa trước cho Vàng Thị M 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) bị cáo còn phải bồi thường tiếp 4.400.000đ (*Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Xác nhận bị cáo Lừu Thị G đã đưa trước cho Vàng Thị M 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 2.600.000 đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Về vật chứng vụ án, tịch thu tiền trực tiếp liên quan đến phạm tội:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A 160 thu giữ của Giàng Seo V.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đen, viền màu đỏ, số IMEI 1: 810033600080637, số IMEI 2: 810034600080637, kèm theo 02 thẻ sim thu giữ của Lừu Thị G.

* Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1, màn hình cảm ứng màu vàng nhạt.

- Số tiền 1.000 CNY (*Một nghìn nhân dân tệ*) thu giữ của Lừu Thị G.

* Trả cho chị Thảo Thị L chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 24B1 – 333.76 thu giữ của Giàng Seo V.

* Trả cho bị cáo Giàng Seo V 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Giàng Seo V.

* Truy 22.974.000đ (*Hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng*) của bị cáo Giàng Seo V để sung quỹ nhà nước.

* Truy thu 9.600.000đ (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) của bị cáo Lừu Thị G để sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà các bị cáo chưa thi hành xong các khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Giàng Seo V phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng tiền án*) tiền phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Lừu Thị G phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh 02;
- Trại tạm giam 2;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo 02;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị hại 02;
- UBKT huyện ủy B;
- Người bào chữa;
- Người liên quan;
- THA 4;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Lập Phạm Văn Đăng

Nguyễn Thị Lương

